

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:11/2019/DS-ST
Ngày 16/7/2019
V/v: “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện
2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-DS ngày 25/3/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-DS ngày 07/6/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-DS ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Văn Th, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã S, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Chị Đoàn Thị Nh, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã S, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

Do anh Tạ Văn Th đại diện theo ủy quyền

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là anh Tạ Văn Th trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 11/02/2018, chị S đến nhà anh vay số tiền 15.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày, mục đích vay tiền để kinh doanh, hai bên có lập giấy biên nhận do chị S viết. Đã quá hạn trả nợ nhưng chị S chưa trả cho anh được khoản tiền gốc và lãi nào. Nay anh yêu cầu chị S phải trả cho anh 15.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi là 1.950.000đồng.

Tại phiên tòa, anh Th yêu cầu chị S phải trả cho vợ chồng anh 15.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

- Đối với bị đơn là chị Phạm Thị S được Toà án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hoà giải, xét xử nhưng chị không đến Toà án để làm việc, Toà án cũng không lấy được lời khai của đương sự này.

Tại phiên toà, chị S vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 27/3/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị Nh (vợ anh Th) cũng trình bày như anh Th đã trình bày ở trên. Tại Giấy uỷ quyền ngày 14/3/2019, chị uỷ quyền cho anh Th tham gia tố tụng.

Tại phiên toà, chị Nh vắng mặt.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Th khởi kiện yêu cầu Toà án buộc chị S có nơi cư trú tại thôn T, xã S, huyện Tân Yên phải trả số tiền chị đã vay của anh. Toà án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không Th nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên toà, chị Nh vắng mặt nhưng đã uỷ quyền cho anh Th tham gia tố tụng, chị S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Nh và chị S là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn:

- Anh Th, chị Nh đều trình bày: ngày 11/02/2018, chị S đến nhà anh chị vay số tiền 15.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày, mục đích vay tiền để kinh doanh, hai bên có lập giấy biên nhận do chị S viết. Mặc dù không có lời khai của chị S xác nhận có vay tiền của anh Th hay không nhưng qua xem xét nội dung giấy vay tiền đề ngày 11/02/2018 thì thấy lời khai của vợ chồng anh Th hoàn toàn phù hợp với nội dung giấy vay tiền. Việc chị S vay số tiền 15.000.000đồng của anh Th cũng được anh Lê Văn T (là chồng của chị S) xác nhận sự thật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận chị S đã vay tiền của anh Th như anh đã trình bày là đúng. Đến nay đã quá hạn mà chị S chưa trả được khoản gốc và lãi nào là vi phạm cam kết trả nợ. Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản đã ghi: “Bên vay tài sản là tiền

thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Nay anh Th khởi kiện yêu cầu chị S phải trả số nợ gốc là 15.000.000đồng và tiền lãi là đúng pháp luật, HĐXX chấp nhận yêu cầu đòi tiền của anh Th.

- Về tiền lãi: Anh Th trình bày, lãi suất thoả thuận khi cho chị S vay tiền là 1%/tháng, trong giấy vay tiền chỉ ghi là lãi suất theo thoả thuận nên không có căn cứ xác định hai bên đã thoả thuận lãi suất 1%/tháng mà xác định thuộc trường hợp có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Tại phiên toà, anh Th yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh Th. Căn cứ vào khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. HĐXX xác định khoản tiền lãi chị S phải trả như sau:

+ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ 11/02/2018 đến 11/3/2018 là:
 $15.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 1\text{ tháng} = 124.500\text{đồng};$

+ Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ 12/3/2018 đến 16/7/2019 (ngày xét xử) là:
 $124.500\text{ đồng} \times 0,83\%/tháng = 1.033\text{đồng}/tháng : 30\text{ ngày} = 34,43\text{ đồng}/ngày.$
Làm tròn là $1.033\text{đồng}/tháng \times 16\text{ tháng} + 34\text{đồng}/ngày \times 04\text{ ngày} = 16.664\text{ đồng};$

+ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất 0,83%/tháng là: $15.000.000\text{đồng} \times 1,245\%/tháng = 186.750\text{đồng}/tháng : 30 = 6.225\text{đồng}/ngày.$ Từ ngày 12/3/2018 đến 16/7/2019 là $186.750\text{đồng}/tháng \times 16\text{ tháng} + 6.225\text{đồng}/ngày \times 04\text{ ngày} = 3.012.900\text{ đồng}.$

Tổng cộng là 3.154.064 đồng.

Tổng cả gốc và lãi chị S phải trả cho anh Th là 18.154.064 đồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền cho vay là tài sản chung của anh Th và chị Nh, anh Th cho rằng chị S vay tiền để kinh doanh nhưng anh T (chồng chị S) không thừa nhận chị S đã dùng khoản tiền vay vào việc kinh doanh, anh xác định đây là khoản nợ riêng của chị S và anh không có trách nhiệm trả nợ, anh đề nghị Toà án không đưa anh vào tham gia tố tụng. Nay, anh Th và chị Nh cũng chỉ yêu cầu cá nhân chị S phải trả nợ nên HĐXX buộc chị S phải trả nợ cho vợ chồng anh Th chị Nh và không đưa anh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thoả thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[5] Về án phí: Yêu cầu của anh Th được chấp nhận nên chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 18.154.064đồng $\times 5\% = 907.703\text{đồng}.$

Anh Th được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn Th với chị Phạm Thị S.

Buộc chị Phạm Thị S phải trả cho anh Tạ Văn Th và chị Đoàn Thị Nh số tiền gốc là 15.000.000đồng, tiền lãi 3.154.064 đồng. Tổng cả gốc và lãi phải trả là 18.154.064 đồng (bằng chữ: mười tám triệu một trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng chẵn).

Kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: chị Phạm Thị S phải chịu 907.703đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Tạ Văn Th 500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002416 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng

- Lần vay 50.000.000đồng: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 = 375.000\text{đồng/tháng}$
 $= 12.500/\text{ngày}$. Lãi từ ngày 09/6/2012 đến 07/01/2016 là: $375.000\text{đồng} \times 41$
tháng + $12.500 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} = 15.725.000 \text{ đồng}$.

- Lần vay 60.000.000đồng: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 = 450.000\text{đồng/tháng}$
 $= 15.000/\text{ngày}$. Lãi từ ngày 24/9/2013 đến 07/01/2016 là: $450.000\text{đồng} \times 27$
tháng + $15.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ ngày} = 12.405.000 \text{ đồng}$.

- Lần vay 300.000.000đồng: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 =$
 $2.250.000\text{đồng/tháng} = 75.000/\text{ngày}$. Lãi từ ngày 03/7/2012 đến 07/01/2016 là:
 $2.250.000\text{đồng} \times 40 \text{ tháng} + 75.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ ngày} = 90.300.000 \text{ đồng}$.